

Chiếc xích lô chở mùa Xuân

© Thanh Thương Hoàng

Nguồn: Nam Kỳ Lục Tỉnh (2004-04-30)



Ảnh minh họa, © dobuon.vn

Tân ngồi vắt vẻo trên chiếc xích lô ngược nhìn những tầng mây trắng lững lờ trôi trên nền trời xanh thẫm, lòng băng khuâng nhớ tới những ngày tháng cũ. Lúc ấy vào khoảng mười giờ sáng. Từ khi đạp xe ra khỏi nhà sáng sớm tới giờ anh vẫn chưa kiếm được một “cuốc” nào. Nếu đến trưa vẫn không có khách thì coi như mất toi nửa ngày tiền thuê xe và tất nhiên phải nhịn ăn luôn bữa trưa. Chỗ Tân đậu xe góc đường Lê Lợi ở Tự Do, anh cho là rất “địa lợi”, vì phía chéo bên kia đường là khách sạn Đại Lục, nơi có nhiều khách ngoại quốc tới ở. Họ thường bao luôn cả xe ngày để đi “tham quan” khắp Saigon Chợ Lớn. Đồng thời nơi này cũng là nơi có nhiều kỷ niệm với Tân – những ngày tháng cũ trước 75 – anh đã gặp “người yêu lý tưởng” của mình và sau đó cưới làm vợ. Cuộc sống lứa đôi tràn ngập hạnh phúc cho tới ngày 30 tháng 4 đen tối sầu thảm.

Tân móc túi lấy gói thuốc rê vắn một điếu. Vừa phập phèo mấy hơi để dĩ vãng tan theo khói thuốc, thì anh nghe tiếng gọi xích lô bên kia đường. Tân vội quay nhìn. Một người đàn bà đưa tay vẫy gọi. Tân rút vội mẩu thuốc hút dở, rời khỏi nệm xe, nhẩy phóc lên yên xích lô đạp nhanh tới bên kia vệ đường (vì chỗ này thuộc phạm vi “lãnh thổ” của khách sạn nên nên họ cấm xích lô đậu. Anh em xích lô chỉ có thể “đột kích” đón khách rồi phóng đi ngay)...

“Cô muốn đi đâu?”

Tân hỏi bằng tiếng Anh giọng rất chuẩn, rất Mỹ làm cô khách ngạc nhiên. Cô đặt mình lên xe thông thả nói:

“Anh muốn chở tôi đi đâu cũng được. Chạy chậm chậm thôi nhé!”

Tân hỏi lại:

“Nghĩa là cô muốn mở một cuộc du lịch bỏ túi trong thành phố?”

“Đúng!”

Trước khi cho xe chuyển bánh, Tân nói:

“Cô chưa cho biết sẽ trả tôi bao nhiêu tiền. Chúng ta nên sòng phẳng dứt khoát trước khi bắt đầu”.

Cô khách đáp:

“Tôi sẽ trả anh như đã trả cho những người trước anh”.

“Nghĩa là...?”

“Nghĩa là mỗi giờ tôi trả anh hai đô la”.

“Cô trả vậy hơi nhiều đấy!”

Cô khách nhắc lại câu hỏi của tôi khi nãy:

“Nghĩa là...?”

“Tôi tính cô một đô la một giờ thôi”.

Cô khách một lần nữa tỏ ra ngạc nhiên nhưng không nói gì. Hôm qua cô trả cho anh xích lô đúng như giá anh ta đòi, thế mà khi trả tiền còn nằn nì xin thêm. Còn anh xích lô này thì lại xin bớt. Con người xứ sở này có vẻ phức tạp, khó hiểu thật. Tân từ từ đạp xe về phía chợ Bến Thành. Tới nơi, anh hỏi khách:

“Cô đã biết chợ Bến Thành này chưa?”

Và không chờ khách khách trả lời, anh nói tiếp:

“Đây là ngôi chợ lớn nhất của thành phố Saigon và có một bề dày lịch sử”.

Cô khách mỉm cười. Từ lúc lên xe tới giờ. Tân mới thấy khách cười:

“Tôi biết. Hôm trước một người bạn Việt-Nam đã dẫn tôi vào trong chợ ăn món bún thịt nướng, lạ miệng và ngon lắm! Nhất là cái món nước “sốt” mặn mặn với ngọt ngọt và hơi cay.

“Cô ăn được cả nước mắm?”

“Cũng hơi... khó chịu một chút lúc đầu”.

Thấy sự trao đổi nói năng có vẻ thân mật cởi mở, Tân hỏi:

“Tôi hơi tò mò, xin lỗi trước. Cô tới Saigon du lịch hay làm việc?”

“Tôi tới Saigon có chút việc riêng, tiện thể làm chuyến du lịch luôn”.

“Cô tới đây lần đầu?”

Khách khẽ gật và đôi mắt xanh biếc của cô chớp chớp. Bây giờ Tân mới có dịp quan sát người đẹp. Cô khoảng dưới ba mươi tuổi, thân hình thon thả dong dỏng cao bó gọn trong chiếc áo pull trắng và chiếc quần gin màu xanh đậm. Mớ tóc vàng óng ả của cô chảy dài buông xõa xuống cái lưng ong. Nước da cô trắng hồng mịn màng. Những sợi lông tơ trên hai cánh tay trần tròn lẳn gợi cảm. Tân cũng đã có dịp vuốt ve những cánh tay như thế, nhưng xa xôi lắm rồi. Theo sự nhận xét sơ khởi của Tân thì nhan sắc cô nàng ở mức trung bình nhưng khá quyến rũ ồ hình như cô có cái duyên ngầm của các cô gái phương Đông.

“Cô mới từ Mỹ tới?”

Tân hỏi. Khách khẽ gật.

“Tôi đoán cô là người miền Đông nước Mỹ, Nếu không ở Washington DC. thì cũng bang nào vùng đó”.

Lần này cô nàng ngoái hẳn mình về phía sau nhìn Tân:

“Anh căn cứ vào đâu mà đoán tôi là người miền Đông?”

Tân hóm hỉnh cười:

“Giọng nói của cô và nhất là nước da của cô. Chỉ có những người sinh sống ở xứ lạnh mới có nước da trắng hồng như cô”.

Tân nói nịnh thêm.

“Đúng là nước da lý tưởng các cô gái mơ ước”.

Cô khách càng thêm ngạc nhiên. Một anh đạp xích lô, tức thuộc giới lao động bình dân thất học, mà lại có vẻ hiểu biết những sự việc ngoài tầm mắt của anh ta. Rồi còn biết cả nịnh đầm ồ món “võ” của bọn đàn ông có học. Cô cười nhẹ trả lời Tân:

“Anh đoán giỏi đấy! Tôi sinh ra ở thành phố Charlotte bang North Carolina. Lớn lên đi học và sống ở Washington DC”.

Tới chợ bến Thành cô bảo anh ngừng xe để cô vào chợ mua một món gì đó. Cô hỏi anh có đợi được không. Anh gật đầu. Mười phút sau cô trở ra trên tay cầm một cái gói bọc giấy nhỏ.

“Bây giờ cô muốn tôi chở cô đi đâu?”

“Tùy anh”.

Tân suy nghĩ một chút:

“Cô đã vào Chợ Lớn chưa?”

“Hay đấy! Tôi nghe bạn bè nói Chợ Lớn là thành phố của người Hoa như ở Hồng Kông

vậy. Nên đi coi cho biết”.

“Cô đã đến Hồng Kông?”

“Tôi đến đó hồi còn là con nhóc đi với bố mẹ”.

Tân có vẻ ngập ngừng trước khi nói:

“Xin lỗi, cô đã lập gia đình?”

“Phải, tôi đã lập gia đình gần mười năm. Vợ chồng tôi có một con gái”.

Nói xong, cô khẽ thở dài, mặt thoáng buồn, đôi mắt xanh biếc đăm đăm như nhìn vào cõi xa xăm mơ hồ nào đó. Tân thấy vậy không hỏi nữa. Anh lặng lẽ đạp xe trên đường Trần Hưng Đạo rộng dài, dưới trời nắng bắt đầu gay gắt. Những chiếc xe gắn máy của bọn trẻ gầm rú phóng vùn vụt, đôi lúc cô khách sợ hãi kêu lên vì tưởng nó đâm nhào vào mình. Từ đường Đồng Khánh, cô bỏ Tân ngừng xe trước một tiệm tạp hóa. Lúc trở ra cô khoe với Tân một vật nhỏ:

“Anh thấy đẹp đấy chứ?”

Tân thốt lên:

“Tưởng gì, cái này bên Mỹ đâu thiếu”.

“Phải, bên Mỹ không thiếu, nhưng đây là thứ tôi mua ở Chợ Lớn Việt Nam làm kỷ niệm, đồng thời làm quà tặng con gái tôi”.

Dứt lời cô khách lên xe ngồi, Tân đạp tiếp. Chợt cô quay lại hỏi Tân:

“À, tôi quên hỏi anh. Sao anh biết thứ tôi vừa mua bên Mỹ có nhiều?”

“Vì tôi đã ở bên đó và có mua nước tặng người yêu. Cái cô vừa mua là do người Tàu Chợ Lớn làm nhái theo đồ của Mỹ”.

“Ồ, anh đã ở bên Mỹ?”

“Đi du lịch hay du học?”

“Tôi đi học”.

Cô lại thốt lên tiếng kêu ngạc nhiên và nhắc lại:

“Đi học? Thì ra anh sang Mỹ du học!”

“Không phải! Tôi đi lính được tuyển sang Mỹ học lái máy bay. Tôi sang Mỹ với tư cách sinh viên sỹ quan Không Quân!”

Cô khách người Mỹ đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Cô có vẻ thích thú nghe những điều Tân nói. Cái con người lam lũ nghèo khổ đập xích lô này đã từng là sỹ quan Không Quân và đã sang Mỹ học? Cô nửa tin nửa ngờ, dò đường:

“Anh sống ở Mỹ lâu không? Bang nào nhỉ?”

Tân đưa tay quạt mồ hôi trên trán. Chiếc áo cũ mỏng màu đen nhiều miếng vá anh mặc ướt đẫm mồ hôi. Tân cảm thấy bắt đầu mệt và khát nước. Chén xôi bắp nhỏ ăn từ sáng sớm, giờ đã tiêu hết. Anh trả lời khách không mấy hào hứng sốt sắng như lúc đầu:

“Tôi học lái máy bay tại Pensacola bang Louisiana vào năm 1967. Thời gian huấn luyện khoảng năm rưỡi. Tới năm 1972 tôi lại có dịp đi tu nghiệp ở Texas hơn tám tháng”.

“Anh còn nhớ tên khóa huấn luyện?”

“Khóa 67A. Khóa này tôi được huấn luyện cùng với bọn Pilot Hải Quân Mỹ”.

Sau khi thở thốt kêu lên tiếng “ô”, cô ngưng hỏi và im lặng một lúc lâu. Tân cũng chẳng quan tâm đến sự im lặng của cô khách. Anh đang mãi lo đối phó với những xe cộ chạy hỗn độn, vô trật tự trên đường phố. Chỉ cần sơ ý một chút, có thể gây ra tai nạn thương tích cho người ngồi trên xe. Hai bên lề đường Đồng Khánh, người người đi lại tấp nập. Hàng hóa của các tiệm bày tràn ra cả lề đường. Rồi những gánh hàng quà rong, những xe bán nước ngọt, trái cây, tạo nên một cảnh hoạt náo vui mắt. Cô khách có lẽ vui lây với không khí nhộn nhịp này, nhất là nhìn những người đàn bà Hoa mặc những bộ quần áo mỏng, giản dị. Cô hỏi Tân:

“Họ chắc không phải là người Việt?”

“Vâng, họ là người Hoa. Thành phố này là thành phố của người Hoa dù dưới thời Việt Nam Cộng Hòa hay thời Cộng sản cai trị cũng vẫn thế. Khó mà thay đổi được họ!”

“Không phải riêng nước anh. Ở bên Mỹ cũng vậy. Một thời gian nào đó, người Hoa sẽ cai trị thế giới”.

Ngưng chút cô nói tiếp:

“Cả về chính trị và kinh tế. Vì thời đại chúng ta, kinh tế đang chi phối thống lĩnh toàn cầu!”

Tân cãi:

“Tôi không đồng ý với cô. Người ta đã dùng kinh tế để làm cái roi cai trị, nhưng theo tôi nhất định Cộng sản sẽ thất bại cả về chính trị lẫn kinh tế”.

“Tôi nghĩ với Cộng sản thì chỉ có thể dùng vũ lực”.

“Dùng vũ lực, Mỹ đã thất bại ở Cuba trước đây. Chỉ có Cộng sản mới triệt được Cộng sản thôi. Sức tác động bên ngoài không đủ mạnh bằng sự tự hủy hoại từ bên trong”.

Cả buổi trưa hôm đó, cô khách người Mỹ và anh xích lô đạp mãi mê tranh luận về nhiều vấn đề thời sự, chính trị, học thuyết, triết lý, chiến tranh, hòa bình, cộng sản, tư bản... quên cả đường phố chật chội xe cộ chen lấn bừa bãi. Năm đó là năm 1985, thành phố Saigon còn nhiều xe đạp, xe gắn máy, ít xe hơi. Riêng anh đạp xích lô quên cả mệt và đói. Anh đang hào hứng. Đã lâu lắm anh không hề dám nói năng thảo luận với bất cứ ai những vấn đề hù y kỵ trên. Nói với cô khác lạ này không sợ báo cáo, không sợ xuyên tạc, chụp mũ. Tân yên tâm tự nhủ mình như vậy nên anh “phát ngôn mạnh bạo xả ga”. Gần xế chiều, Tân đạp xích lô chở cô khách Mỹ về khách sạn Đại Lục. Bước xuống khỏi xe khách mới hỏi:

“Nãy giờ tôi cứ thắc mắc mãi. Anh là sỹ quan Không Quân từng sang Mỹ học lái máy bay, sao lại... lại đi đạp xích lô?”

Tân phì cười trước câu hỏi này. Đúng là một người Mỹ ngây ngô, chẳng biết gì về làn sóng đỏ đang tràn ngập tràn phá hủy hoại khốc liệt cả miền Nam. Anh trả lời:

“Vì tôi bị Cộng sản bắt đi tù”.

“À, ra thế!”

“Anh bị tù có lâu không?”

“Gần mười năm”.

“Trời! Anh được tha lâu chưa?”

“Mới sáu tháng”.

“Ồ là! Ở tù Cộng sản chắc là khổ lắm?”

“Tất nhiên. Chúng tôi đã trải qua những năm tháng sống thời Trung Cổ”.

“Tại sao các anh không vùng lên phản kháng, chống đối? Dân tộc anh là một dân tộc có cả một lịch sử oai hùng về ý chí quật cường, về truyền thống tranh đấu...”

Tân cười nửa miệng:

“Đồng thời dân tộc tôi cũng có truyền thống nhẫn nhục chịu đựng gian khổ”.

Cô khách người Mỹ mở bóp lấy hai tờ giấy năm đô la đưa cho Tân và hẹn sáng mai tới đón cô đi chơi tiếp. Tân cầm hai tờ giấy bạc ngàn ngừ. Anh định đưa trả lại một tờ thì cô khách Mỹ đã bước vào trong khách sạn.

Sáng hôm sau đúng chín giờ, Tân đạp xe tới góc đường Lê Lợi ở Tự Do đã nhìn thấy cô khách đứng chờ. Cô giơ tay vẫy chào anh rồi bước lại ngồi lên xe.

“Hôm nay cô muốn đi đâu?”

“Đi đâu cũng được. Tôi muốn có nhiều thì giờ để trò chuyện với anh”.

“Hôm qua cô trả tôi nhiều tiền quá. Công của tôi chỉ đáng nửa số tiền ấy thôi! Thế là hậu hĩnh lắm rồi. Hôm nay tôi sẽ đập để trừ vào số tiền cô trả dư hôm qua”.

Cô khách Mỹ chỉ cười và chớp chớp đôi mắt xanh biếc không có ý kiến gì, nhưng trong đầu cô nảy một câu hỏi: “sao lại có anh chàng gàn dở thế nhỉ? Đã nghèo khổ mà lại còn chê tiền?” Còn Tân bây giờ mới nhìn thấy đôi mắt xanh màu ngọc bích và trong sáng như mắt mèo đẹp tuyệt vời của cô. Trong đôi mắt ấy anh đọc thấy nhiều thứ lắm: hiền hòa, dịu dàng, nhân bản và cả nỗi đau tiềm tàng ẩn sâu. Đúng, đôi mắt là linh hồn của con người. Các cụ mình xưa nhận xét thật tài tình tinh vi. Xe chạy ra bờ sông Saigon trước khách sạn Majestic. Cô khách ngỡ ý muốn ngồi chơi nơi vườn hoa. Tân nói đùa:

“Tốt thôi, không có gì đáng phải bàn cãi!”

Để an toàn, khỏi lo lắng, Tân đặt chiếc xích lô ngay cạnh chỗ ghế ngồi và khóa bánh xe lại bằng dây xích. Anh nói với cô khách Mỹ:

“Cho chắc ăn!”

Cô khách cười:

“Xe để sát bên cạnh anh, còn kẻ nào dám cả gan lấy cắp!”

“Bần cùng sinh đạo tặc cô ạ! Dân Việt Nam chúng tôi có câu thành ngữ này. Mà bây giờ thì cả nước đều “bần cùng” nên bất cứ việc gì cũng có thể “sinh đạo tặc”. Họ không ăn cắp nữa mà là ăn cướp. Đã tới mức ăn cướp thì họ đâu còn sợ cái gì. Lão Lê-Nin nói đúng đấy, nếu mất, họ chỉ mất cái cùm thôi!”

Cả hai cùng cất tiếng cười vui vẻ. Bờ sông Saigon lúc nào cũng tụ tập đông người. Thấy khách ngoại quốc, bọn trẻ nhỏ chuyên bán những đồ lặt vặt rẻ tiền cho du khách, xúm lại vây quanh hai người mời mọc, gạ gẫm, nài nỉ. Chúng nói những câu tiếng Mỹ bồi ngậy ngô nghĩnh. Rồi đám bán hàng rong xúm xít như ruồi bu. Tân khó chịu lắm, luôn tay xua đuổi thì bị mắng trả tục tĩu. Còn cô khách Mỹ cứ cười cười lấy làm vui thích hoạt cảnh này. Cô mua một gói đậu phụng rang cho mình, một gói cho Tân và mỗi người một chai coca -cola. Lâu lắm Tân mới uống lại thứ nước ngọt của “đế quốc Mỹ” này. Sao mà ngon ngọt đến thế. Mười mấy năm trời khi ở trong tù và cả lúc về ngoài đời anh chưa một lần được uống lại. Tiền ăn còn lo chưa nổi lấy đâu tiền uống coca -cola. Khi bóc gói đậu phụng, anh thất vọng. Nó đã bị hư từ lâu, nhưng người ta vẫn đem bán. Cô khách nói:

“Nếu ở bên Mỹ, nhà sản xuất bị kiện sặc gạch đấy!”

Vứt hai gói đậu phụng hư xuống sông xong, hai người ngồi nhìn trời đất. Một lúc lâu cô khách chợt hỏi:

“Trong khi ở Mỹ, anh có quen thân người bạn Mỹ nào không?”

“Có chứ! Bạn cùng khóa thì nhiều lắm, nhưng thân thiết thì chỉ một hai người”.

“Anh còn nhớ tên?”

“Nhớ chứ. Một anh tên là Tom Hamilton Một anh tên là Edward Carter. Không biết anh chàng này có họ hàng gì với lão Tổng Thống Jimmy Carter không!”

Cô khách Mỹ nói nhanh:

“Edward Carter! Anh có nhớ sai tên không? Anh ta người ra sao?”

Tân vỗ vỗ trán như gọi những hình bóng cũ trở về:

“Anh ta cao lớn hơn tôi một chút và cũng tuổi tôi, năm nay được ba mươi sáu tuổi. Anh em cùng khóa thường nói đùa nếu cái mũi tôi cao một chút, dài hơn một chút, và nước da trắng thì đúng là anh em sinh đôi với Edward Carter”.

Cô khách Mỹ chăm chăm nhìn thẳng vào mặt Tân như quan sát, như dò xét. Rồi cô không giấu được một cái thở dài. Tân ngạc nhiên hỏi:

“Sao, nếu tôi đoán không lầm thì có thể cô quen biết hoặc có họ hàng với anh chàng Edward Carter này”.

Cô khách không trả lời. Cô lơ đãng nhìn sang phía bên kia bờ sông. Miệng cô lầm bầm mấy tiếng gì đó, Tân nghe không rõ. Tân móc túi lấy gói thuốc rê vắn hút.

“Anh hút thuốc gì mà có mùi khét thế?”

Cô khách Mỹ hỏi.

“Đây là thuốc rê. Thứ thuốc rẻ tiền nhất của người Việt Nam. Lúc ở trong tù, đối với chúng tôi thuốc này là loại quý đấy cô ạ! Chúng tôi còn hút cả lá chuối khô và rễ cây nữa kìa!”

“Khổ cực vậy, thiếu thốn vậy mà các anh chịu đựng được để còn giữ được mạng sống trở về đời, tài thật!”

“Không ai, kể cả chúng tôi cũng không tin là mình sống nổi. Nhưng như vừa nói với cô đấy. Dân tộc tôi có sức chịu đựng gian khổ, bền bỉ dẻo dai. Hơn trăm năm nay chưa lúc nào dân tộc sống trong thanh bình yên ổn, trong no ấm sung sướng. Chiến tranh cứ tiếp diễn liên miên, hết ngoại xâm lại tới nội chiến, rồi cả nước chịu ảnh hưởng đầy đói rách nhục nhã. Nếu như người Mỹ của cô thì ít ra cũng chết nửa nước”.

“Sao anh không lái máy bay chạy ra ngoại quốc như một số người đã làm?”

“Tôi còn cha mẹ già. Cha mẹ tôi nhất định không chịu rời bỏ quê hương. Biết rằng ở lại sẽ phải chịu cảnh tù đầy và có thể bị giết chết nữa, nhưng tôi không thể bỏ mặc cha mẹ. Hơn nữa tôi còn con nhỏ mới sinh”.

“Bây giờ chắc con anh đã khá lớn. Thế còn vợ anh? Chị ấy vẫn một lòng đợi anh về? Tôi

đọc sách báo thấy họ hết lời ca ngợi người đàn bà Á-Đông lúc nào cũng giữ trọn vẹn tình nghĩa vợ chồng. Dù chồng chết, còn trẻ vẫn ở vậy thờ chồng nuôi con”.

Tân lắc đầu thở dài, vứt mẫu thuốc xuống đất:

“Tôi không có cái điểm phúc ấy. Sau khi tôi bị tù, vợ tôi để lại con cho cha mẹ tôi nuôi, đi lấy chồng khác”.

“Ồ, tôi xin lỗi. Tôi không có ý khơi lại sự đau buồn của anh. Nhưng tôi hơi tò mò, thế anh có oán hận người vợ không?”

“Cô ấy còn trẻ nên phải lấy chồng khác, đó là sự thường, có gì mà oán hận. Chỉ có điều hơi buồn là cô ấy lấy kẻ thù của chúng tôi”.

Đôi mắt xanh biếc của cô khách Mỹ chớp chớp. Cô có vẻ xúc động về chuyện riêng tư của Tân.

“Còn cha mẹ anh?”

Tới lượt Tân thở dài nuốt nước bọt như cố nén nỗi đau buồn xuống đáy lòng:

“Cha mẹ tôi đều mất khi tôi còn ở trong tù!”

Cô khách Mỹ kêu lên:

“Thế còn đứa nhỏ?”

“May mắn cho nó được ông bà ngoại thương xót đem về nuôi, mặc dù ông bà cũng rất nghèo khổ. Ít ra thì cũng còn có những đốm lửa trong đêm tối phải không?”

Và lần này chính Tân ngạc nhiên trở mắt nhìn cô khách Mỹ. Cô lấy khăn giấy chấm nước mắt. Cô khóc. Rồi cô đưa đôi mắt xanh biếc đắm nước mắt nhìn Tân nói:

“Tôi tên Jacqueline Hunter. Còn anh?”

“Tôi là Tân, Đỗ Tân, cựu đại úy phi công Việt Nam Cộng Hòa. Rất hân hạnh được quen biết cô”.

Sau một lúc suy nghĩ đắn đo, Jacqueline nói:

“Anh có thể cho tôi địa chỉ để khi về Mỹ may ra tìm được mấy người bạn cũ của anh. Biết đâu họ chẳng hết lòng lo giúp đỡ can thiệp cho anh”.

“Cám ơn Jacqueline. Tôi ở số nhà.... Hẻm... Đường.... Thành phố Saigon”.

Họ còn ngồi nói chuyện với nhau rất lâu. Jacqueline có ý mời Tân đi dùng bữa trưa, nhưng anh từ chối, mặc dù bụng đang đói. Xuống xe cô móc bóp rút ra tờ giấy một trăm đô đưa Tân, nói:

“Anh cầm lấy để chi dùng. Rất tiếc tôi không thể giúp anh hơn”.

Tân từ chối ngay:

“Cám ơn Jacqueline. Tôi cũng rất tiếc không thể nhận số tiền này. Tôi không muốn nhận một sự thương hại, hay một sự bố thí”.

“Không, đây là một tấm lòng. Anh hãy nhận lấy ở đây một tấm lòng”.

Dứt lời Jacqueline nhét tờ giấy bạc một trăm đô vào tay Tân và bước nhanh vào trong khách sạn. Trước khi khuất hẳn, cô quay lại nói với Tân:

“Tạm biệt Tân, người bạn mới quý mến của tôi”.

Tân nhìn tờ giấy bạc một trăm đô nằm trong tay sững sờ. Một số tiền quá lớn và quá bất ngờ đối với anh. Chừng như định thần lại được, Tân phóng mình bước nhanh như chạy vào khách sạn, miệng gọi lớn:

“Jacqueline! Jacqueline! Tôi không thể! Tôi không nhận số tiền này. Tôi xin trả lại cô!”

Nhưng Jacqueline đã mất hút. Anh bảo vệ khách sạn thấy gã xích lô chạy xồng xộc vào trong khách sạn miệng la lối ầm ĩ liền chặn Tân lại, nói lớn, giọng hách dịch:

“Anh kia! Ra khỏi đây lập tức!”

Tân giơ tờ giấy một trăm đô nói:

“Tôi đưa tiền trả cô khách Mỹ!”

“Cái gì? ạ Cô ta đánh rơi tiền à?”

“Không, cô ấy trả tiền cước xe cho tôi một trăm đô, trong khi giá chỉ có năm đô”.

Anh bảo vệ ngăn người ra nói:

“Lạ nhỉ? Đi cước xe có năm đô mà trả một trăm đô? Có khi là đồ giả đấy! Đưa đây tôi coi nào!”

Nhưng Tân không đưa làm anh bảo vệ khách sạn nổi giận:

“Thôi, cút cha anh đi. Một trăm đô mà chê à? Anh đạp xe cả năm liệu có kiếm được nổi số tiền này không? Gặp con mụ Mỹ điên khùng vớ món bở thì hãy chuồn mau đi, không nó đổi ý ra đòi lại, thì chỉ có nước ăn cám, anh bạn ạ!”

Tân cầm tờ giấy bạc một trăm đô chậm rãi bước ra khỏi khách sạn. Một trăm đô, đúng là số tiền không nhỏ, nhưng công sức của anh bỏ ra đâu có xứng đáng để nhận số tiền này. Thôi sáng mai tới trả cô ta vậy. Cả đêm đó Tân không ngủ được. Anh cứ trần trọc “đánh vật” mãi với tờ giấy bạc một trăm đô. Tại sao lại có thể như thế nhỉ? Đi cước xe đáng giá năm đô, cô ta trả một trăm đô. Chẳng lẽ là bạc giả như anh chàng bảo vệ khách sạn nói?

Không! Nhất định không phải rồi! Cần gì cô ta phải làm cái việc lươn lẹo dối trá, Vậy tại sao cô ta trả cho mình cả một trăm đô? Thương hại? Bố thí? Một tấm lòng? Dù có là gì đi chăng nữa thì sáng mai cũng vẫn phải trả lại tiền cho cô ấy. Tân thở dài. Tắt đèn. Bật đèn. Vuốt ve ngắm nghía tờ giấy bạc một trăm đô. Tờ giấy màu xanh lá cây như sáng rực trong đêm. Một trăm đô đâu có nhỏ. Có khác gì tiền từ trên trời rơi xuống. Nhưng nhất định ngày mai phải trả lại cô ta, cô Jacqueline quý hóa: Tôi rất trân trọng tấm lòng của cô nhưng tôi không thể nhận số tiền này. Chúng ta chỉ mới có hai ngày quen biết, đâu đã có ân tình nghĩa trọng gì. Cảm ơn lòng tốt của cô. Cảm ơn người đàn bà ở phương trời xa đến. Nghĩ tới những người cùng chung nòi giống sống quanh tôi, cô làm tôi thấy đau đớn tủi nhục. Hôm sau mới tám giờ sáng, Tân đã đạp xe tới chỗ cũ để đợi Jacqueline, mặc cho một người khách Tây phương đang vẫy tay gọi xe bên kia đường. Anh sốt ruột chờ, đốt hết điều thuốc này đến điều thuốc khác, thỉnh thoảng thọc tay vào túi quần để yên trí tờ giấy bạc một trăm đô vẫn còn nằm trong đó. Chín giờ đã tới. Rồi chín giờ mười phút. Chín giờ mười lăm phút. Không thấy bóng dáng Jacqueline đâu cả. Chín giờ hai mươi phút. Tân thấy anh bảo vệ khách sạn hôm qua bước lại phía anh. Chẳng lẽ tên này gặp mình kiếm có gây sự để đoạt tờ giấy một trăm đô? Tiền bạc làm con người mờ mắt để trở thành bất lương. Anh bảo vệ khách sạn tới bên Tân dừng lại và hỏi vẫn giọng hách dịch:

“Có phải anh là người hôm qua chở cô khách Mỹ?”

Tân gật. Anh ta đưa Tân một mảnh giấy:

“Này cầm lấy! Thư của cô ta đấy!”

Dứt lời anh ta bước về khách sạn. Thư là một mảnh giấy nhỏ có in tiêu đề khách sạn. Jacqueline viết bằng tiếng Anh:

“Tân mến! Hôm nay tôi có việc bất thần phải đáp máy bay đi Hà Nội. Chúc vui khỏe. Hẹn gặp lại”.

Cô ký tên một chữ tắt “J”.

* * *

Những ngày và cả những tháng sau đó Tân vẫn thường đậu xe góc đường Lê Lợi ở Tự Do có ý chờ người đẹp Mỹ Quốc bất thần xuất hiện. Anh biết vô vọng nhưng vẫn cứ mong, cứ đợi. Rồi Tân tự an ủi đó là một giấc mơ, một giấc mơ đẹp có thật và sẽ không bao giờ hiện ra lần nữa. Anh chợt nhớ hai câu thơ của nhà văn Duyên Anh mà anh được nghe trong trại tù: “Đời rất hiếm hoi lần Bụt hiện. Cho nên đoạn kết thảm vô cùng”. Đời mình chưa đến đoạn kết, nhưng đến nước này thì đúng là “thảm vô cùng” rồi, còn chờ còn mong gì nữa “lần Bụt hiện”. Rồi anh lại lần lần nghĩ tới bốn chữ “Hồn Bướm Mơ Tiên” tên một cuốn truyện của nhà văn Khái Hưng. Hồn Bướm Mơ Tân đang mơ tới nàng tiên Jacqueline Hunter. Tiên đã về vùng đất Thiên đường của Hạ giới, còn bướm thì vẫn mơ màng nơi chốn địa ngục trần gian. Buổi tối, lúc ấy gần mười hai giờ đêm Tân mới về tới nhà. Hôm nay xui xẻo chỉ chạy được ba “cuộc” xe ngắn, vừa đủ tiền chi cho hai bữa ăn. Tới trước cửa nhà Tân thấy chị chủ nhà đứng ngay trước cửa có vẻ đợi anh. Tân hơi chột dạ. Hôm nay là ngày mừng năm đầu tháng nhưng anh vẫn chưa có tiền trả tiền thuê buồng. Bà ta đợi mình về để đòi đây. Số tiền Jacqueline cho anh đã tiêu hết, “tiền vào nhà

khó như gió vào nhà trống”. Tân định cất tiếng xin khát ít ngày thì chị chủ nhà đã tươi cười đưa anh một tờ giấy, nói:

“Chú Tân có tin vui nè!”

Tân cười nhạt:

“Tin vui? Tôi làm gì có tin vui. Giỡn làm chi chị Tư? Chị cho tôi nợ tiền thuê buồng mấy ngày nữa nghe!”

Chị chủ nhà vẫn cười cười nói:

“Tôi nói thiệt mà! Giấy gọi chú lên Tân Sơn Nhứt lãnh quà từ Mỹ gửi”.

Tân sững sốt:

“Quà ở Mỹ gửi? Lạ nhỉ?”

Từ ngày ra tù về Tân chưa hề nhận được một lá thư nào từ ngoại quốc gửi về, nói chi đến việc nhận quà! Anh có nghe tin cánh Không Quân bên Mỹ tổ chức quyên góp tiền bạc cứu trợ, nhưng chưa tới tay anh. Có lẽ vì anh chưa liên lạc được với họ. Tân khắp khởi mừng thầm yên trí đây là quà của “các bạn ta” gửi. Anh cầm tờ giấy báo tin vui bước vào nhà đến bên ngọn đèn điện vàng vọt yếu ớt. Chị chủ nhà bước theo sau luôn miệng hỏi:

“Sao? Quà của ai gửi vậy?”

Bỗng Tân đưa tay trái đặt lên ngực. Tim anh đập nhanh, dồn dập. Anh coi lại tờ giấy báo tin lần nữa. Thật bất ngờ ngoài cả sức tưởng tượng của Tân. Người gửi quà là Jacqueline. Số quà nặng tới hai mươi ký. Ngày hôm sau Tân phải chạy vạy mới mượn được đủ tiền dự phòng để đóng thuế. Tất nhiên trong số tiền này có cả tiền của chị chủ nhà. Chị cứ luôn miệng lẩm bẩm:

“Trời đâu có phụ kẻ hiền lành”.

Washington DC. ngày... tháng... năm....

Tân thân mến,

Khi nhận được thư này tôi hy vọng Tân đã nhận được gói quà tôi gửi. Chắc Tân ngạc nhiên lắm? Những quần áo, vật dụng, radio, cassette không phải của mình tôi đâu mà còn là của một số bạn bè phi công cùng khóa với Tân gửi đấy! Khi ở Hà Nội về nước, tôi liền liên lạc ngay với Trung Tâm Huấn Luyện Fort Worth ở Dallas nên có được một số địa chỉ các bạn đồng khóa với Tân. Biết tin anh họ mừng lắm. Sau khi nghe tôi kể hiện cảnh của anh, họ buồn rầu khổ sở và tức tốc hè nhau góp gửi cho anh một số tiền cũng như vật dụng quần áo. Về tiền được hơn một ngàn đô. Tôi đang tìm cách gửi sao cho sớm đến tay anh mà không bị mất. Tôi mong anh sẽ hài lòng về số quà tặng “đó là những tấm lòng của bạn bè” chứ không phải “sự thương hại hay bố thí” như một lần anh đã hiểu lầm. Sở dĩ chúng tôi gửi tiền và mua những món đồ cho anh là do một người bạn Việt Nam chỉ dẫn.

Anh ta bảo những thứ này ở Việt Nam đang bán được giá cao. Bây giờ tôi xin nói một chút về tôi chắc anh sẵn lòng nghe? Tôi đến Việt Nam không phải để du lịch. Tôi đến Việt Nam với mục đích duy nhất tìm kiếm tung tích chồng tôi. Chồng tôi chính là Đại Úy Phi Công Edward Carter thuộc Lực Lượng Hải Quân Hoa Kỳ, người học cùng khóa và là bạn thân của anh”.

Coi tới đây Tân ngừng lại. Bất ngờ quá! Anh cố hình dung lại người bạn phi công cùng khóa Edward Carter. Sau khi mãn khóa về nước, Tân có thư từ qua lại với anh ta, nhưng chỉ được hai năm sau đó mất liên lạc. Anh nhớ mang máng là Edward Carter được chuyển tới Đệ Thất Hạm Đội ở Thái Bình Dương. Lúc học ở Mỹ, Tân và Edward Carter có nhiều kỷ niệm, nhất là những buổi cuối tuần được nghỉ đi kiếm bồ bịch, mãi vui quá ngày phép, hai người bị kỷ luật. Tân thở dài. Mới đó đã mười mấy năm trôi qua. Tân coi tiếp thư:

“Trong một phi vụ oanh tạc vùng Thanh Hóa, máy bay của chồng tôi bị bắn hạ. Anh được báo cáo mất tích”.

Tân lại ngưng coi và đặt lá thư xuống cái bàn gỗ nhỏ cũ kỹ đặt nơi đầu giường. Anh chống tay lên cằm, suy nghĩ trong xúc động. Edward bị bắt sống hay bị chết? Nếu bị bắt sống thì nhất định Jacqueline đã biết tin, vì tất cả tù binh Mỹ đều bị nhốt trong “khách sạn Hilton” ở Hà Nội. Tân cầm thư coi tiếp:

“Tôi không tin thông báo của chính phủ. Bản danh sách quân nhân Mỹ mất tích còn quá dài. Tôi phải tự đi tìm chồng tôi vì tôi tin chồng tôi chưa chết. Chúng tôi mới lập gia đình có một đứa con gái. Khi chồng tôi mất tích nó được hai tuổi. Tôi đến Việt Nam lần vừa rồi là lần thứ hai. Lần trước tôi đến Hà Nội và đi nhiều nơi, kể cả Thanh Hóa. Mất hơn một tháng chẳng kiếm được tin tức gì. Một người bạn viết thư cho tôi biết ở Saigon có một “tuy-ô” cung cấp người Mỹ mất tích rất đáng tin cậy. Thế là chẳng cần đắn đo suy nghĩ, tôi vội vã book vé bay sang Việt Nam liền. Tôi đã bị lừa nhưng được gặp anh. Đúng như người bạn Mỹ của anh nhận xét. Nếu cái mũi cao thêm một chút, dài thêm một chút, và nước da trắng thì anh đúng là bản sao của chồng tôi. Sao lại có thể có hai người giống nhau như thế và sao lại có sự tình cờ gặp gỡ giữa tôi và anh như thế nhỉ? Hôm đầu tiên ngồi trên chiếc xích lô của anh, tôi ngoái lại nhìn anh, không khỏi giật mình sửng sốt. Suýt chút nữa thì tôi kêu tên chồng. Anh có biết không, trong lúc liên lạc với Trung Tâm Huấn Luyện Fort Worth tôi mới biết thêm anh là người đạt số điểm cao nhất ở khóa đó. Ông chỉ huy trưởng Trung Tâm Huấn Luyện già đã về hưu vẫn còn nhớ tới anh và không ngớt lời ca ngợi anh một thanh niên thông minh giàu nghị lực, một phi công đầy triển vọng tài ba. Nói để anh mừng nhé. Các bạn người Mỹ của anh đang vận động với chính phủ can thiệp cho anh sang Mỹ định cư đấy. Công việc này tất nhiên rất khó khăn và nhiều trở ngại, nhưng ai có quyền cấm người ta hy vọng nhỉ, có phải thế không? Từ nay tôi sẽ liên lạc thường xuyên với anh qua thư từ. Anh cần những gì có thể cho tôi biết để tôi và các bạn anh cố gắng giúp. Dưới đây là một số địa chỉ các bạn cùng khóa với anh. Anh nhớ viết thư cho họ nhé. Có mấy người mang cấp bậc Đại Tá rồi đấy. Họ sẽ có thư cho anh, nếu không có gì trở ngại về phía anh.

Chúc anh vui khỏe.

J.”

Ít ngày sau, đúng như thư Jacqueline viết, có một người lạ đem đến cho Tân hơn một ngàn đô. Tân cầm số tiền trong tay mà vẫn ngỡ như mình nằm chiêm bao. Anh không nén được xúc động, tay cầm cây bút run run khi viết mấy chữ biên nhận tiền. Rồi anh thấy đôi mắt mình cay cay... Anh đã không cầm được nước mắt. Đêm đó Tân nằm mơ thấy mình chở Jacqueline trên xe xích lô. Tới một quãng vắng về Jacqueline bảo anh ngừng xe lại rồi nàng rời khỏi xe, bắt thần ôm chầm lấy anh hôn thắm thiết. Khi Tân giật mình thức giấc anh cảm thấy như mùi nước hoa, mùi da thịt của nàng còn phảng phất đâu đây.

* * *

Tân đi tù khoảng hơn năm thì vợ anh đi lấy chồng khác, một cán bộ ngoài Bắc vào. Chính chị đã dẫn người này lên tận trại tù ép buộc Tân ký giấy ly dị với hứa hẹn sẽ can thiệp cho anh về sớm. Tân chẳng tin vào cái sự hứa hẹn này nhưng với một người vợ sớm thay lòng đổi dạ như vậy, anh không còn gì để lưu luyến cầm giữ. Anh chỉ lo ngại cho đứa con nhỏ mới ba tuổi. Nhưng anh yên tâm phần nào khi biết con mình được ông bà ngoại đem về nhà nuôi. Khi Tân từ trại tù vùng cao nguyên trở về Saigon, anh tới ngay nhà ông bà già vợ. Con gái anh đã hơn mười tuổi, gầy và hơi xanh. Nó ôm chầm lấy bố khóc như mưa. Tân định ở nhờ ông bà già vợ ít ngày nhưng căn phòng quá nhỏ hẹp mà lại chứa những năm người: ông bà già vợ, vợ chồng người em vợ và con gái Tân nên không còn chỗ cho anh. Sau bữa cơm đạm bạc chỉ có rau muống muối mè (để đãi mừng chàng rể ở tù về), Tân phải kiếm chỗ đi chỗ khác ngủ, mặc dù ông bà già vợ cố giữ lại “ăn hết nhiều chứ ở hết bao nhiêu”. Đêm đó, đêm đầu tiên được sống tự do ngoài đời, Tân đã phải nằm ngủ trong mái hiên của một ngôi chùa nhỏ ở ngoại ô và phải chen chúc với đám ăn mày, xì ke ma túy. Sáng dậy gói quần áo nhỏ Tân mang từ trại tù về cũng bị “chôm” mất. Tân đi kiếm nhà một người bạn tù về trước anh và được người này giới thiệu việc làm: rửa chén đĩa một tiệm phở. Làm được mấy ngày chưa kịp lãnh lương tuần Tân bị thôi việc. Anh đã làm sứt mẻ và vỡ quá nhiều chén đĩa trong khi rửa. Mãi Tân mới kiếm được một việc tương đối “độc lập tự do” và hợp với “khả năng” của đa số tù cải tạo về: đập xích lô. Tuy “lao động” vất vả cực nhọc lại không “vinh quang” chút nào Tân cũng kiếm được đủ ngày hai bữa ăn và thuê một cái buồng nhỏ trong xóm nhà lá để đêm về có chỗ ngủ. Hôm nào chạy được khá tiền một chút, anh mời cả gia đình bố mẹ vợ và cô con gái đi làm một chầu phở bình dân. Cuộc sống khó khăn chật vật nhưng Tân vẫn lấy làm hài lòng vì dù sao vẫn còn hơn gấp trăm lần trong trại tù cải tạo, có làm không có ăn. Tân cho rằng khi con người đã trải qua cuộc sống trong tù cải tạo của cộng sản rồi thì tất cả mọi sự trên cõi đời này đều... nhẹ như lông hồng!

Có được số tiền “ngoại viện” Tân đem một nửa “phân phối” cho bố mẹ vợ, bạn bè và cả chị chủ nhà. Riêng cô con gái Tân dẫn đi may một lúc mấy bộ quần áo và mua cho chiếc xe đạp để đi học. Tân viết thư gửi Jacqueline bày tỏ lòng biết ơn. Với các bạn bè người Mỹ cũng vậy. Và cứ thế mỗi tháng Tân nhận được một lá thư của Jacqueline cùng một số tiền hoặc hàng hóa, có lần có cả đồ hộp thức ăn, sữa. Tạm thời qua cơn bí cực nhưng Tân vẫn không chịu rời chiếc xích lô. Hàng ngày anh vẫn đạp xe ra phố, không phải để chở khách như trước mà là phương tiện để anh đi đó đây thăm bạn bè ăn nhậu. Thành thạo anh đạp xe tới góc phố Lê Lợi – Tự Do tưởng nhớ tới Jacqueline và những ngày

đầu gập gờ. Đôi mắt xanh biếc và mái tóc vàng óng ả chảy dài xuống lưng của Jacqueline hình như lúc nào cũng hiện hiện trước mắt Tân. Có lý nào cô nàng yêu mình? Tân băn khoăn, thắc mắc, khắc khoải mãi với câu hỏi này. Và đôi lúc anh thấy nhói nhói nơi tim khi nghĩ rằng chẳng qua cô nàng thương hại mình thôi. Trong những lá thư gửi Jacqueline, Tân đã bóng gió viết về tình cảm của mình đối với nàng, nhưng có lẽ nàng không hiểu sự tế nhị này của người Á Đông. Trong thư hồi âm, Jacqueline vẫn viết nhiều về những ngày ở Việt Nam và hỏi Tân về lịch sử, phong tục, tập quán, phong cảnh và những món ăn của người Việt. Rồi cô hỏi Tân thích nhất món ăn gì của Mỹ và nếu được sang Mỹ định cư thích sống ở đâu. Mỗi lần nhận được thư Jacqueline là buổi tối hôm đó Tân nằm mơ thấy mình sống trên đất Mỹ. Lúc thì lái máy bay, có lúc thì đi hộp đêm với bạn bè người Mỹ nhảy đầm nhậu nhẹt say khướt. Nhưng nhiều nhất vẫn vẫn là mơ thấy sóng đôi với Jacqueline, hết đi ngắm tuyết ở vùng đồi trắng xóa miền Đông, tới shopping ở các chợ miền Nam Cali nắng ấm. Khi thức giấc Tân thấy tiếc và muốn giấc mơ cứ thế kéo dài mãi. Buổi sáng hôm đó Tân sửa soạn đạp xích lô đi “tiểu ngạo giang hồ” có một anh công an tìm gặp. Anh ta trở mắt ngạc nhiên khi thấy người mình đi tìm gặp lại là một anh đạp xích lô. Anh ta hỏi đi hỏi lại mãi có đúng tên là Đỗ Tân không rồi mới cho biết lý do. Có ông dân biểu Mỹ muốn gặp. Tân choáng người. Một dân biểu Mỹ muốn gặp anh? Rồi trực giác bén nhạy của Tân cho biết đây là một tin lành. Tân đạp xích lô theo anh công an đến khách sạn Đại Lục nơi trước đây Jacqueline ở. Mọi người làm trong khách sạn đều nhìn Tân với cặp mắt nghi ngờ và kiêng nể. Thì ra ông dân biểu Mỹ là cựu phi công học cùng khóa với Tân. Máy bay của ông bị bắn trong một phi vụ oanh tạc miền Bắc và bị nhốt “khách sạn Hilton” hơn năm năm thì được thả. Về Mỹ ông ứng cử và đắc cử dân biểu. Jacqueline đã gặp ông trình bày hoàn cảnh Tân và nhờ ông can thiệp với chính phủ cộng sản Việt Nam. Ông sang đây với một phái đoàn bàn thảo chương trình viện trợ nhân đạo cho Việt Nam, trong đó có “chút việc riêng tư” là can thiệp cho Tân sang Mỹ định cư. Trước khi gặp nhà chức trách, ông muốn gặp Tân để “nhận diện” người bạn đồng khóa năm xưa.

Anh Hoàng thân quý,

Sau khi chia tay anh ở phi trường Tân Sơn Nhất. thắm thoát thế mà đã hơn ba tháng trôi qua. Sờ dĩ hôm nay mới viết thư cho anh vì khi đặt chân tới đất Mỹ, khỏi kể nhiều anh cũng thừa biết là tôi bận lắm. Sau khi nghỉ ngơi cho tỉnh người, đồng thời cũng là để gột sạch “bụi bậm xã hội chủ nghĩa” (còn bám chút đỉnh nơi thân thể), tôi và Jacqueline lo tổ chức lễ cưới. Rồi chúng tôi đi Washington DC tới bức tường đá đen ghi tên các chiến sĩ Hoa Kỳ hy sinh trong cuộc chiến Việt Nam. Chúng tôi dành ít phút cúi đầu tưởng niệm dưới hàng chữ ghi tên Carter. Sau đó chúng tôi đi hưởng tuần trăng mật ở Honolulu. Tiếp theo chúng tôi đi thăm chỗ tôi học lái máy bay năm xưa ở hai bang Louisiana, Texas và các bạn phi công cùng khóa. Ông bạn cựu phi công đương kim dân biểu đã giới thiệu cho tôi một job hợp với khả năng: lái máy bay cho một đồn điền. Còn Jacqueline vẫn tiếp tục nghề cũ y tá bệnh viện. Con gái tôi được Jacqueline và con gái cô quý mến lắm. Hai đứa ngoài giờ học cứ quần quýt bên nhau như hai chị em ruột. Như anh biết đấy, khi ra đi tôi đã mang theo chiếc xích lô mà tôi phải mua lại với một giá mắc người chủ mới chịu bán. Cứ chủ nhật hoặc những ngày nghỉ lễ, tôi đạp xích lô chở Jacqueline và hai đứa nhỏ chạy lòng vòng trên các đường nhỏ trong thành phố. Đây là một chiếc xe độc đáo duy nhất có ở thành phố này, nên đạp tới đâu cũng được người Mỹ vui vẻ ngắm nghía và trầm trồ giao

tay chào. Có nhiều người bắt tôi xuống xe để cho họ đập thử và suýt nữa thì làm lật cả xe. Lâu dần người Mỹ quen mắt với chiếc xe xích lô của tôi. Chúng tôi đặt chiếc xích lô ngay trong phòng khách. Nhờ nó, tôi và Jacqueline thành duyên chồng vợ nên chúng tôi vô cùng quý và trân trọng giữ gìn nó. Hiện tại chúng tôi đang sống tràn trề hạnh phúc. Mùa xuân của cuộc đời tuy đến muộn nhưng chúng tôi bằng lòng lắm với những gì mình đang có, đang sống. Thiên đường có thật anh Hoàng ạ! Và chúng tôi đang tắm trong suối nguồn tươi mát của Thiên Đường. Xin chúc anh và gia đình mọi điều tốt đẹp. Thỉnh thoảng rảnh rồi anh nhớ viết thư cho tôi nhé.

Quý mến,

Đỗ Tân.

© Thanh Thương Hoàng